TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14-01-2025
"V/v tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Kiều Diễm**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Tâm**
Ông Nguyễn Minh Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Ông Phan Văn Dựa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 518/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Trịnh Thị D**, sinh năm 1982, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 29/11/2024.

- *Bị đơn*: **Anh Trần Ngọc L**, sinh năm 1984, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Trịnh Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Anh Trần Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định của pháp luật và được ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/3/2013.

Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, đời sống hôn nhân không đạt được, không còn hạnh phúc. Tôi và anh Lợi đã ly thân, trong thời gian này vợ chồng tôi không liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tôi không còn tình cảm với anh Lợi nên tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Tôi và Anh Trần Ngọc L có 02 con chung tên Trần Kiều Vy, sinh ngày 18/7/2007 và Trần Tấn Lộc, sinh ngày 11/9/2012. Hiện nay các con đang ở với anh Lợi, tôi đồng ý giao lại con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không ai nợ tiền vợ chồng tôi.

Đối với bị đơn Anh Trần Ngọc L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập Anh Trần Ngọc L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng Anh Trần Ngọc L vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Trịnh Thị D đối với Anh Trần Ngọc L. Về con chung: Giao các em Trần Kiều Vy, sinh ngày 18/7/2007 và Trần Tấn Lộc, sinh ngày 11/9/2012 lại cho anh Lợi tiếp tục chăm sóc và anh Lợi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thị D yêu cầu ly hôn với Anh Trần Ngọc L, anh Lợi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Trịnh Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Anh Trần Ngọc L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị Trịnh Thị D và Anh Trần Ngọc L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Chị Trịnh Thị D yêu cầu ly hôn với Anh Trần Ngọc L, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trịnh Thị D và Anh Trần Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, được Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/3/2013 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống Chị Trịnh Thị D và Anh Trần Ngọc L phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đã ly thân với nhau cho đến nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Lợi tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh Lợi vắng mặt không có lý do thể hiện anh Lợi không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại biên bản xác minh tại địa phương xác định trong thời gian chung sống, Chị Trịnh Thị D và Anh Trần Ngọc L chung sống có đăng ký kết hôn, có 02 con chung hiện nay các em đang được anh Lợi chăm sóc, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và cả hai đã sống ly thân với nhau. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa Trịnh Thị Dùng và Anh Trần Ngọc L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn Chị Trịnh Thị D đối với Anh Trần Ngọc L.

[4] Về con chung: Chị Trịnh Thị D và Anh Trần Ngọc L có 02 con chung tên Trần Kiều Vy, sinh ngày 18/7/2007 và Trần Tấn Lộc, sinh ngày 11/9/2012. Từ khi Chị Trịnh Thị D và Anh Trần Ngọc L ly thân đến nay thì các em do anh Lợi chăm sóc và giáo dục rất tốt và Chị D cũng đồng ý giao lại hai con chung cho anh Lợi tiếp tục chăm sóc. Để ổn định cuộc sống của các em Trần Kiều Vy, sinh ngày 18/7/2007 và Trần Tấn Lộc, sinh ngày 11/9/2012 tiếp tục giao cho Anh Trần Ngọc L tiếp tục chăm sóc là phù hợp. Chị D được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Chị Trịnh Thị D yêu cầu ly hôn với Anh Trần Ngọc L nên Chị Trịnh Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 53; 54; Điều 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho Chị Trịnh Thị D được ly hôn với Anh Trần Ngọc L.

2. Về con chung: Giao các em Trần Kiều Vy, sinh ngày 18/7/2007 và Trần Tấn Lộc, sinh ngày 11/9/2012 cho anh Lợi tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, anh Lợi không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Chị Trịnh Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng Chị Trịnh Thị D phải chịu. Chị Trịnh Thị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010742 ngày 25/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, Chị Trịnh Thị D và Anh Trần Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Kiều Diễm